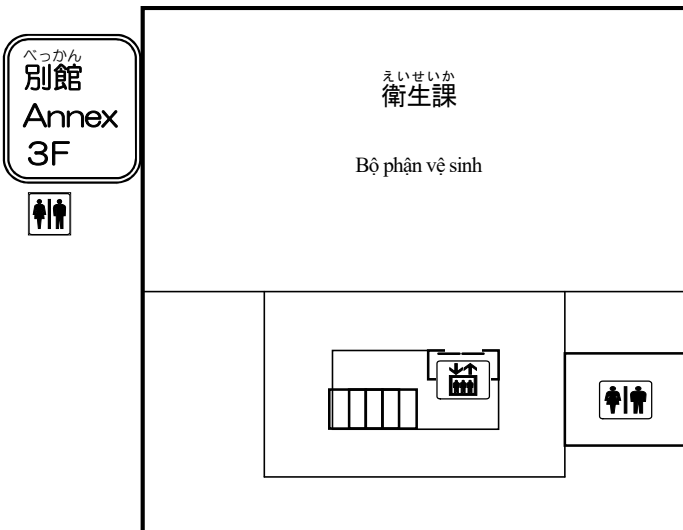
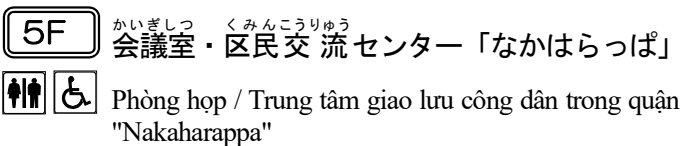
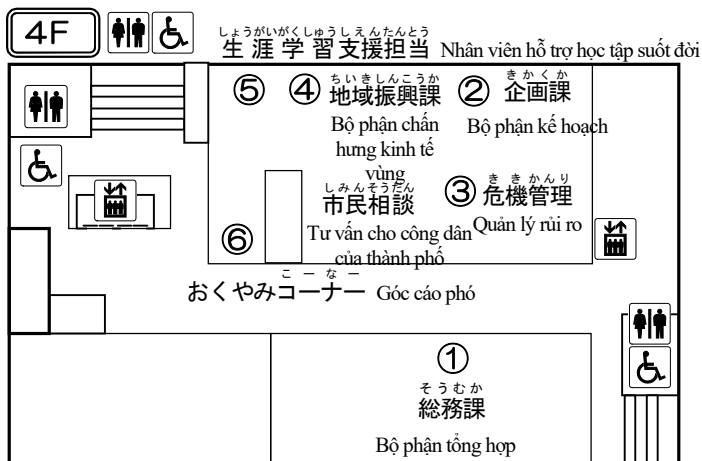
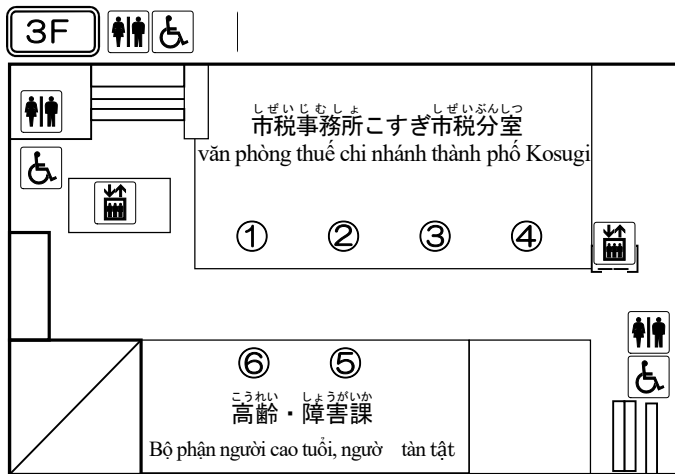




がいこくじんそうだんまどぐち たぶんかきょうせいそうごうそうだん
〈外国人相談窓口（多文化共生総合相談

ワンストップセンター〉

Dịch vụ tư vấn cho người nước ngoài cư trú
Qua điện thoại: 044-455-8811

9:00~17:00

Thứ Hai đến Thứ Bảy

(Nếu chuyên viên tư vấn không có mặt vào một ngày cụ thể trong tuần, buổi tư vấn sẽ được tiến hành qua điện thoại)

かわさきしこくさいこうりゅうきょうかい
◎川崎市国際交流協会

Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Kawasaki



◎川崎市HP: 外国人の方へ

Trang web thành phố Kawasaki: Thông tin dành cho cư dân nước ngoài



◎神奈川県HP: 多言語による情報提供

Trang web của tỉnh Kanagawa: Cung cấp thông tin đa ngôn ngữ



なかはらくない にほんごきょうしつ
〈中原区内の日本語教室〉

Các lớp học tiếng Nhật tại phường Nakahara

こくさいこうりゅうせんたー にほんごこうざ
◎国際交流センター: 日本語講座

Trung tâm Trao đổi Quốc tế: Các Lớp Học Tiếng Nhật



◎かわさき日本語学習ポータルサイト

Cổng thông tin học tiếng Nhật Kawasaki



về người cao tuổi (高齢者のこと)

高齢者の健康と介護予防： dự phòng về sức khỏe và
chăm sóc người già 2F-③
高齢者の福祉サービス：
dịch vụ phúc lợi dành cho người già 3F-⑤
介護保険： bảo hiểm chăm sóc 3F-⑤
保険料 (65歳以上)：
tiền bảo hiểm (trên 65 tuổi) 1F-⑪
認定・給付： được chứng nhận 3F-⑤
保険料の納付： cung cấp 1F-⑧
長寿 (後期高齢者) 医療制度： chế độ y tế trường thọ
(người cao tuổi giai đoạn sau) (trên 75 tuổi) 1F-⑪

về người tàn tật (障害者のこと)

障害の相談：
tư vấn cho người khuyết tật 3F-⑥
重度障害者の医療助成：
hỗ trợ y tế cho người bị tàn tật nặng 1F-⑪

hỗ trợ sinh hoạt (生活保護)

生活に困窮している方の相談： tư vấn cho người gặp
khó khăn trong sinh hoạt 2F-④

y tế (医療)

医療助成 (経済的助成)
福祉医療 (小児・重度障害・ひとり親)： y tế phúc lợi
(trẻ em・thương tật nặng・đơn thân) 1F-⑪
長寿 (後期高齢者) 医療制度： người cao tuổi giai đoạn
sau (trên 75 tuổi) 1F-⑪
高額療養費： chế độ hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh khi
phí tốn quá cao 1F-⑪
小児慢性特定疾患、養育・育成医療： bệnh mãn tính đặc
định của trẻ em, y tế nuôi dưỡng và chăm sóc 2F-②
特定疾患、難病： bệnh đặc biệt, bệnh nặng 2F-①

検査や相談
小児ぜん息、成人ぜん息： bệnh hen trẻ em/ bệnh hen ở
người trưởng thành 2F-①
結核・エイズ・肝炎・感染症： bệnh lao, bệnh aids, bệnh
viêm phổi, bệnh truyền nhiễm (Tòa nhà phụ lục)3F
がん検診： kiểm tra bệnh ung thư 2F-③
歯科相談： tư vấn về răng 2F-③
栄養相談： tư vấn về dinh dưỡng 2F-③
健康づくりに関すること：
vấn đề liên quan tới chăm sóc sức khỏe 2F-③

肝炎医療費助成： hỗ trợ phí y tế chữa bệnh viêm phổi
(Tòa nhà phụ lục)3F

医療に従事する人の届出：
đăng ký của người theo nghề y tế (Tòa nhà phụ lục)3F

về vệ sinh sinh hoạt (生活衛生のこと)

食品・環境営業の許可、免許の相談：
cấp phép kinh doanh về thực phẩm・môi trường và
tư vấn về việc cấp phép (Tòa nhà phụ lục)3F
犬の登録、ネズミ・衛生害虫の相談： tư vấn đăng ký
cho chó, sát trùng vệ sinh・chuột(Tòa nhà phụ lục)3F
受水槽の相談：
tư vấn về bể chứa nước (Tòa nhà phụ lục)3F
感染症 (結核・性感染症を除く)：
bệnh truyền nhiễm (trừ bệnh lao, bệnh lây truyền
qua đường tình dục) (Tòa nhà phụ lục)3F

về địa phương (地域のこと)

町内会・自治会：
hội đồng khu phố・hội đồng tự trị 4F-④
交通安全・防災：
an toàn giao thông・phòng cháy 4F-③
市民相談： tư vấn cho công dân thành phố 4F-④
ふれあいネットの利用登録：
[Kawasaki Fureai Net] đăng ký sử dụng mạng
lưu giữ giao lưu gắn kết cộng đồng 4F-④
民生委員： ủy viên về sinh hoạt của cư dân 2F-①
日本赤十字社： hội chữ thập đỏ Nhật Bản 2F-①

**đường giao thông・đường sông・đường thủy
・ công viên**
(道路・河川・水路・公園のこと)

道路公園センター：
trung tâm công viên đường
(đi bộ 6 phút từ ga JR mushashi nakahara)
211-0041 2-9-1 Shimo kodanaka, Nakahara-ku
Tel.044-788-2311

phòng tổng hợp cấp (4F-①)